



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : _____ Yes, _____ No

EXIT VISA: _____ Yes _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NHAN TAM
Last Middle First

Current Address 284/545^B Ngo Gia Tri F4 Q10 HCM

Date of Birth 07-02-1952 Place of Birth Ben Tre

Previous Occupation (before 1975) 2nd Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 04-30-75 To 02-02-78

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NHAN TAM
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Nguyen Thi Nho	09-10-1953	Wife
Nhan Tu Kha	07-01-1979	Son
Nhan The Loan	07-05-1982	"
Nhan The An	11-16-1983	"

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Toronto Ngày 10 tháng 11 năm 1988

Kính thưa: Hội Gia đình Tù Nhân chính trị tại Việt Nam.

Tôi tên NHAN TRUNG TIN

Hiện ở ngụ tại: # 2008 - 180 CHALKFARM DR.
DOWNSVIEW, Ont. M3L 2H8

Nay tôi viết thư này kính mong Hội xét và
giúp đỡ² giúp cho tình trạng anh ruột của tôi:

Tên là NHAN TÂM

Số quân 72/153052

Đơn vị cuối cùng Chi khu Ba Tru, Tỉnh Kiến Hòa
KBC 7069

Nguyên anh tôi có diện đơn chuyển² qua CANADA
cho tôi gọi² đi theo địa chỉ 127 Danjabhum Building
81 Sathorn Tai Road Bangkok 10120

Nay, tôi kính mong Hội có thể² xét và
ghi tên anh tôi trong danh sách tù nhân chính trị tại
Việt Nam. Địa điểm chúng tôi rất cảm ơn và hoạt
động tích cực của Hội. Hiện tại gia đình gồm có.

Mẹ: ĐỖ THỊ QUỲNH 67 tuổi²

Chị: NHAN KIM LAN

Tôi: NHAN TRUNG TIN

Rất mong nhận được sự tận tình giúp đỡ² từ
Hội. Xin nhận sự ủng hộ² thành thật biết ơn anh tôi/
kính chào Hội.

Người viết.

Chanh
NT²

Tôi xin gọi² kèm 02 bản hồ sơ của anh tôi.

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CẤU TRÚC CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV /

Date: 14/8/1988
Ngày: 14/8/1988

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Cố: số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabhuh Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : NHAN-TAM Sex: nam
Phái
2. Other Names
Họ, tên khác : /
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 02-7-1952 An Đức, Bến Tre
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 284/545B Ngõ gia Tú, F4 Q10
TP. Hồ Chí Minh
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 284/545B Ngõ gia Tú, F4, Q10
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Thợ nhuộm

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-dình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-dình
1. Nguyễn Thị Nhỏ	10/4/1953	Sài Gòn	Nữ		Vợ
2. Nhan Tú Khà	01/7/1973	Sài Gòn	Nam		Con
3. Nhan Thế Luân	05/7/1982	Sài Gòn	Nam		Con
4. Nhan Thế An	16/11/1983	Sài Gòn	Nam		Con
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-dình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoài Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

c. Address
Địa-chỉ

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

c. Address
Địa-chỉ

ĐỖ-THỊ-QUỲNH

me

#108-2355 Lake Shore Blvd W
Toronto Ont. M8V 1C1 CANADA

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha

: NHAN-MINH (chết)

2. Mother
Mẹ

: ĐỖ-THỊ-QUỲNH (sống)

3. Spouse
Vợ/Chồng

: NGUYỄN-THỊ-NHỎ (vợ)

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children
Con cái:

(1) Nhan tú-Kha (sống)

(2) Nhan thế-Luân (sống)

(3) Nhan thế-An (sống)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings
Anh chị em:

(1) Nhan Nhứt (sống)

(2) Nhan Kim Anh (sống)

(3) Nhan Kim Lai (sống)

(4) Nhan Kim Huệ (sống)

(5) Nhan Trung Chánh (sống)

(6) Nhan Trung Trúc (sống)

(7) Nhan Kim Anh (sống)

(8) Nhan Trung Tín (sống)

(9)

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

7. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/ban hoặc Vợ/Chồng Da Cong-vu voi
Chính-phu Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NHAN - TÂM

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 12/7/1972 Đến 30/4/1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Thiếu-Úy Serial Numbers: 72/153052

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Dồn-Vị Binh-Chung : Sở quan Phát-huống Viện
Chi Khu Ba Trĩ, Kiên Hòa, KBC 7069

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : Thiếu Tá Nguyễn Văn Tài (Chi Khu Trường)

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

30-4-1975

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Phần-thưởng hoặc giấy khen:

Date received:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy khen-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đường sự có không? Có ☐ Không ☒ Không.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address:
Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:
Ngày, tháng, năm

From

To

Từ:

Tới:

4. Description of Courses:
Mô-tả ngành học:

5. Who paid for training?

AI đài-tho chương-trình huấn-luyện?

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo:

NHAN - TÂM

2. Time in Reeducation: From:
Thời gian học-tập Từ:

To:

Từ:

Tới:

30-4-1975

2-2-1978

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks: ☐ Có ☐ Không

- Học tập cải tạo từ 30-4-75 đến 2-2-1978 về gia đình
Việt Bắc bị liệt từ 06-4-79 đến 22-12-1981 tại Bắc Trại
Việt Bắc bị bắt từ 24-6-84 đến 16-4-1985 tại Trại Tân
(Lấy tên họ Hoàng Yên)

Signature

Ký tên:

Lim

Date

Ngày:

14/8/1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này.

- 01 giấy chứng nhận ra trại số 253/CN
- 01 giấy Quyết định thả số 258/QĐ
- 01 Lệnh thả số 1041/LT
- 01 Lệnh thả số 6184/LT
- 01 Khai minh số 156
- 01 Khai sinh số 3761
- 01 Bản sao giấy công nhận kết hôn
- 02 Khai minh của cơ quan (chính trị) khu vực địa phương. (Số 41/TA)

Ban chỉ-huy
TRẠI QUÂN HUÂN
TỈNH BẾN TRE

Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam
Độc Lập Dân Chủ Hòa Bình Trung Lập

Số 255 / CN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Họ và tên: **NHAN TÂM** tuổi: 26
Sinh quán: Xã An Khê Bôntri Bến Tre
Nơi cư ngụ: 32 Phố Trưng Trắc Bôntri Bến Tre
Nguyên là: *chưa có* trong
quân đội ngũ quyền Sài-gòn:

Đã theo học lớp quân huấn 40 tháng kể từ ngày 24.2.75
đến ngày 2.2.78. Nay anh hoặc chị được về sum-họp
với gia đình, tiếp tục học tập, lao động để trở thành người
lành ăn lương thiện.

Yêu cầu các cơ quan, đoàn thể Cách-Mạng địa-
phương hết sức giúp đỡ anh hoặc chị: *Giam*
phấn đấu tốt.

Nhận-dạng:

-Cao: km

-Dấu vết đặc biệt:



ĐẠI ÚY LÊ VĂN THẾ

BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 9

- Thực hiện chính sách khoan hồng của Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam đối với những sỹ quan, hạ sỹ quan, binh lính ngụy.
- Lời thỉnh cầu học tập cấp tạo của Nhân Tâm nguyên là thiếu úy ngụy quân, trong thời gian qua tỏ ra biết ăn năn hối cải và cố gắng phấn đấu để trở thành người có ích cho đất nước.
- Lời đơn xin bảo lãnh của cha Nhân Minh 32 C.4 ở Trại quân huấn, thị trấn Bàu, tỉnh Bến Tre.

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1—Cho Nhân Tâm nguyên là thiếu úy ngụy quân được tạm ngưng quân huấn tập trung và cho phép được trở về nhà làm ăn.
- Điều 2—Khi trở về địa phương hoặc tiếp tục làm việc ở các ngành chuyên môn thì đương sự phải chấp hành tốt mọi quy định về luật pháp và chịu sự quản chế của chính quyền cơ sở địa phương hoặc đơn vị mình làm việc. Thời gian quản chế là một năm. Sau thời gian đó nếu được chính quyền địa phương hoặc cơ quan đơn vị làm việc xác nhận là tiến bộ và được chính quyền sở tại đồng ý thì sẽ được chính thức khôi phục quyền công dân.
- Điều 3—Phòng quân huấn Quân khu 9, quân huấn Bến Tre và đương sự chịu quyết định thi hành.

Ngày 25 tháng mười năm 1977
TUQU/ BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 9

Trưởng phòng Quân huấn

CHI CHÚ

Không được về ở thành phố, thị xã vùng biên giới và vùng xung yếu. Trong thời gian quản chế. Ở đâu do chính quyền địa phương quyết định.

C Giấy này không có giá trị đi đường.
Trong thời gian quản chế, việc quy định lao động nhiều ngày trình diện 1 lần là do chính quyền địa phương xã, phường quy định.

QUYẾT ĐỊNH NÀY, LÀM THÀNH 4 BẢN

- Phòng quân huấn Quân khu lưu.
- Trại quân huấn
- Ủy ban nhân dân xã, Phường cơ quan.
- Đương sự.


Thượng tá: ĐOÀN CÁN THÍNH

BỘ NỘI VỤ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

S. 1041/LT

LỆNH THA

Tên: **NGUYỄN-THÀNH-TIẾN**
Chức vụ: **Phó Giám đốc CA tỉnh Bến Tre.**

Căn cứ quyết định miễn tố số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____
về việc **đi làm hành vi trốn ra nước ngoài.**

Căn cứ vào pháp luật hiện hành: **bu. ngày 06/01/79.**

RA LỆNH THA

Họ và tên: **Nhan-tân** Bì danh: _____
Sinh ngày _____ tháng _____ năm **1952**
Sinh quán: **Bến Tre**
Trú quán: **Ấp 2, Xã Mỹ Nhơn, Ia Tri Bến Tre**
Nghề nghiệp: **làm ruộng.**

Ông giám thị trại tạm giam _____ tỉnh Bến Tre
thi hành khi bị ra được lệnh này.
Lệnh này gửi đến ông Viện trưởng VKSND _____ tỉnh Bến Tre

đề tường _____
Bến Tre Ngày **12** tháng **12** năm **19 32**
Y. **Giám đốc CA tỉnh**
Phó Giám đốc

NOI NHẬN
Ông Viện trưởng VKSND _____
đề báo _____
— Ông Giám thị trại tạm giam _____ đề thi hành
— Dương sự khi về trình với _____
— Lưu hồ sơ

ĐỘI NỘI VỤ
CÔNG AN ĐẶC KHU
VŨNG TÀU — CÔN ĐẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Số 6/CHLT

LỆNH THA

Tôi ĐẠI LƯƠNG HẬU
Chức vụ Giám đốc Công an đặc khu Vũng Tàu — Côn Đảo
Căn cứ quyết định số _____ ngày 24 tháng 6 năm 19 84
của Công an đặc khu đối với bị can HIỀN YẾN
Qua cuộc điều tra xét thấy Trốn đi nước ngoài
Nước ta không cần truy tố
Căn cứ vào pháp luật hiện hành :

RA LỆNH THA

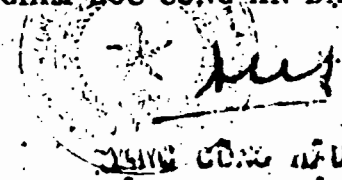
Họ và tên HIỀN YẾN bí danh _____
Sinh ngày _____ tháng _____ năm 19 82
Sinh quán Đài Sơn
Trú quán 235 lô B, Chung cư An Quang, P.08, Q.10, TP. Hồ Chí Minh
Nghề nghiệp _____

Ông Giám thị trại giam Công an đặc khu Vũng Tàu — Côn Đảo thi hành khi nhận được lệnh này.
Lệnh này gửi đến ông Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân đặc khu Vũng Tàu — Côn Đảo
để tường.

Vũng Tàu, ngày 24 tháng 4 năm 19 85
GIÁM ĐỐC CÔNG AN ĐẶC KHU

Nơi nhận:

- Ông Viện trưởng VKSND đặc khu để biết.
- _____ để báo cáo.
- Ông Giám thị trại giam đặc khu để thi hành.
- _____ để biết.
- Đương sự khi về trình với công an địa phương biết.
- Lưu hồ sơ.


CÔNG AN ĐẶC KHU

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH KIÊN-HOÀ

QUẬN BA-TRỊ

XÃ AN-ĐỨC

HỘ - TỊCH VIỆT - NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Năm : 1952

Số hiệu : 156

Tên, họ ấu nhi	NHAN - TÂM ✓ NHAN - KIM - ANH (Song thai)
Phái	-
Sinh ngày	Le 2 Juillet 1952
Nơi sinh	Làng An-Đức
Tên, họ cha	Nhan-Minh
Nghề nghiệp	Buôn-bán
Cư sở tại :	Làng An-Đức
Tên, họ mẹ	Đỗ-thị-Quỳnh
Nghề nghiệp	Buôn-bán
Cư ngụ tại	Làng An-Đức
Vợ chánh hay vợ thứ .	Vợ chánh

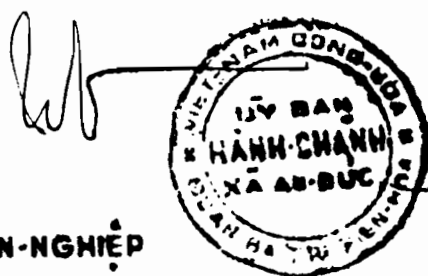
Handwritten signature and stamp area with vertical text: KIÊN-THỊ

KIÊN-THỊ :

SAO Y BỘ CHÁNH

9 XÃ - TRƯỞNG /HC

An-Đức , ngày 25 tháng 8 năm 1970
ỦY VIÊN HỘ TỊCH



Handwritten signature

LÊ-VĂN-TÂM

NGUYỄN-VĂN-NGHIỆP

NAM PHÂN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ - THÀNH SAIGON

TOA HÀNH CHÁNH QUẬN 5

Số hiệu: 3.761

HỘ . TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm năm mươi ba (1953)

CƯỚC PHÍ: 15.00

Tên, họ đứa nhỏ	Nguyễn thị Nho
Phối	Con gái
Ngày sanh	Mười tháng Chín năm một ngàn chín trăm năm mươi ba, hồi 7 giờ
Nơi sanh	211, đường Pierre Pasquier
Tên, họ người Cha	Nguyễn văn Mười, khai nhận đứa nhỏ là con ngày 12-9-1953
Tuổi	-
Nghề nghiệp	Thợ bạc
Nơi cư ngụ	545, đường Pierre Pasquier
Tên, họ người Mẹ	Lưu thị Bông
Tuổi	-
Nghề nghiệp	Buôn bán
Nơi cư ngụ	545, đường Pierre Pasquier
Vợ chánh hay	-



Lập tại Saigon, ngày 12 tháng 9 năm 1953

TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÍNH:

Saigon, ngày 8 tháng 5 năm 1964

QUẢN-TRƯỞNG QUẬN NAM

Hà, Thị trấn: _____

Huyện xã, Quận: 10

Thành phố, Tỉnh: Hà Nội

BẢN SAO
GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 2

Quyển số GI

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bí danh	<u>NGUYỄN VĂN</u>	<u>NGUYỄN THỊ HỒNG</u>
Sinh ngày, tháng, năm hay tuổi	<u>02 - 07 - 1952</u>	<u>10 - 09 - 1953</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>KINH</u> <u>Việt Nam</u>	<u>KINH</u> <u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Hội Trợ</u>
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	<u>Số 10 Trường Toàn</u> <u>Thị trấn Hà Trì</u> <u>Xã Bắc Trù</u>	<u>204/545B Ngõ 64A Tr</u> <u>Phường 04</u> <u>Quận 10</u>
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu	<u>00000000</u>	<u>00000000</u>

Đăng ký, ngày 04 tháng 09 năm 1978

TM / UBND Quận 10 Ký tên đóng dấu
(Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Người chồng ký

Người vợ ký

NHÂN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

tháng 09 năm 1978

Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Chánh Văn Phòng

LỖ LẮC LẮC



Máy HT3/P3

Thành phố, Tỉnh Hồ chí Minh

Số _____
Quyển số _____

[illegible]

Họ và tên	NGUYỄN TỬ KHÁ		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng, năm	Mật, tháng bảy, năm một chín bảy chín (01-7-1979)			
Nơi sinh	Xã sinh Đức chính			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN TỬ KHÁ 1979		NGUYỄN THỊ KHU 1973	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt - Nam		Việt - Nam	
Nghề nghiệp	lên ruộng		nội trợ	
Nơi ĐKNK thường trú	Xã Võ trường toàn ba tri - Bến Tre		Xã Võ trường toàn ba tri - Bến Tre	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	cha khai			

Đăng ký ngày 5 tháng 7 năm 1979

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

CTK Trần Văn Ninh

TM/UBND Quản lý ký tên đóng dấu

ĐHÓ VẤN PHÒNG



PHẠM HIỂN

Xd, Thi trđn.....

Thị xã, Quận _____

Thành phố, Tỉnh.....

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 233
Quyển số 01

[illegible]

Họ và tên	NHAN THẾ AN		NAM
Sinh ngày tháng, năm	mười sáu, tháng mười một, năm một chín tám ba (16-11-1983)		
Nơi sinh	BẢO ANH VINH VIÊN		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NHAN TÂM 1952	NGUYỄN THỊ NHO 1953	
Dân tộc	KINH		
Quốc tịch	VIỆT	NAM	
Nghề nghiệp	THỢ NGUỘI	NỘI TRỢ	
Nơi ĐKNK thường trú	Tạm trú	235 LÔ B C/e An Quang phường 8 quận 10	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Mẹ khai		

NHÂN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 28 tháng 11 năm 1983

TM/UBND  ký tên đóng dấu



Quảng Văn Phòng

ĐỒ ĐẰNG ĐẰN?

Đăng ký ngày 26 tháng 11 năm 1983

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Ủy viên thư ký
Nguyễn Văn Bè
(đã ký).

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV / _____

Date: _____
Ngày: 14/8/1988

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Cố: số câu hỏi này tới:

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjahum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : NHAN-TAM Sex: nam
Phái
2. Other Names
Họ, tên khác : /
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 02-7-1952, An Đức, Bến Tre
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 284/545B Ngõ gia TỬ, F4 Q10
TP. Hồ Chí Minh
5. Mailing Address
Địa-chỉ tho-tử : 284/545B Ngõ gia TỬ, F4, Q10
6. Current Occupation
Nghề-nghiep hiện tại : Thợ nhuộm

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cũng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(CHÚ-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-dinh như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-dinh
1. <u>Nguyễn Thị Nhỏ</u>	<u>10/4/1953</u>	<u>Sài Gòn</u>	<u>Nữ</u>		<u>Vợ</u>
2. <u>Nhan Tú Khà</u>	<u>01/7/1979</u>	<u>Sài Gòn</u>	<u>Nam</u>		<u>Con</u>
3. <u>Nhan Thế Luân</u>	<u>05/7/1982</u>	<u>Sài Gòn</u>	<u>Nam</u>		<u>Con</u>
4. <u>Nhan Thế An</u>	<u>16/11/1983</u>	<u>Sài Gòn</u>	<u>Nam</u>		<u>Con</u>
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia-dinh rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cũng đi với bạn không chung-ngự với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

b. Relationship
Liên-hệ gia-dinh

c. Address
Địa-chỉ

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

b. Relationship
Liên-hệ gia-dinh

c. Address
Địa-chỉ

ĐỖ-THỊ-QUỲNH

me

#108-235.5 Lake Shore Blvd W
Toronto Ont. M8V 1C1 CANADA

D. Complete Family Listing (Living/Dend)/Danh Sách Toàn-Thê Gia-Dinh (Sống/Chết)

1. Father
Cha

NHAN-MINH (chết)

2. Mother
Mẹ

ĐỖ-THỊ-QUỲNH (sống)

3. Spouse
Vợ/Chồng

NGUYỄN-THỊ-NHO (vợ)

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có)

5. Children
Con cái

(1) Nhan tú-Kha (sống)

(2) Nhan thê-Luân (sống)

(3) Nhan thê-An (sống)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings
Anh chị em

(1) Nhan Nhứt (sống)

(2) Nhan Kim Anh (sống)

(3) Nhan Kim Lan (sống)

(4) Nhan Kim Huệ (sống)

(5) Nhan Trung Chánh (sống)

(6) Nhan Trung Trúc (sống)

(7) Nhan Kim Anh (sống)

(8) Nhan Trung Tín (sống)

(9)

Employment by U.S. Government Agencies or Other Civil Organizations
Spouse/ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hàng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-chỉ Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Chỉ Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-chỉ Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with CVN or RVNAF By You Or Your Spouse/ban hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vu với
Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NHAN - TÂM

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 12/7/1972 Đến 30/4/1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng: Thiếu-Úy Serial Number: 72/153052
Số thẻ nhân-viên:

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/số/Đơn-Vị Binh-Chung: Sĩ-quan Phát-hiểm Viện
Chi Khu Ba Trĩ, Kiên Hòa, KBC 7069

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-chỉ/sĩ-quan
chỉ-huy: Thiếu Tá Nguyễn Văn Tài (Chi Khu Trường)

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : 30-4-1975
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố vấn Mỹ :
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam :
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: _____ Date received: _____
Phần-thưởng hoặc giấy khen: _____ Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes No.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-hằng, giấy khen-khen, hoặc chứng-thư nếu có. Đồng sự có không? Có Không.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____
2. School and School Address:
Trường và địa-chỉ nhà trường: _____
3. Dates: From To
Ngày, tháng, năm Từ: _____ Đến: _____
4. Description of Courses:
Mô-tả ngành học: _____
5. Who paid for training?
Ai đài-trợ chương-trình huấn-luyện? _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No.)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-hằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không.)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo: NHAN - TÂM
2. Time in Reeducation: From To
Thời gian học-tập Từ: 30-4-1975 Đến: 2-2-1978
3. Still in Reeducation? Yes No
Vẫn còn học-tập cải-tạo? Có Không Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks/Ước gì bổ sung?

- Học tập cải tạo từ 30-4-75 đến 2-2-1978 về gia đình
- Viết biên bi liệt từ 06-4-79 đến 22-12-1981 tại Bôn Tze
- Viết biên bi liệt từ 24-6-84 đến 16-4-1985 tại Hưng Tâm
(lấy tên họ Huá Yên)

Signature _____ Date
Ký tên: Lim Ngày: 14/8/1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này.

- 01 giấy Chứng nhận ra trại số 258/CN
- 01 giấy Quyết định thả số 258/QĐ
- 01 Lệnh thả số 1041/LT
- 01 Lệnh thả số 6184/LT
- 01 Khai minh số 156
- 01 Khai sinh số 3761
- 01 Bản sao giấy công nhận kết hôn

- 02 Khai minh của con (chính thức) của ông và bà HUÁ YÊN

Ban chỉ-huy,
TRAI QUẢN HUÂN
TỈNH BẾN TRE

Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam
Độc Lập Dân Chủ Hòa Bình Trung Lập

Số 253 / CN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Họ và tên: **NHAN TÂM** tuổi: 26
Sinh quán: **Xã An Khê Bôntri Bến Tre**
Nơi về ngụ: **32 Ông trưởng Cẩm Bình Bến Tre**
Nguyên là: **chưa có** trong
quân đội nguy quyền Sài-gòn:

Đã theo học lớp quân huấn 40 tháng kể từ ngày 24.7.75
đến ngày 2.2.78. Nay anh hoặc chị được về sum-họp
với gia đình, tiếp tục học tập, lao động để trở thành người
làm ăn lương thiện.

Yêu cầu các cơ quan, đoàn thể Cách Mạng địa-
phương hết sức giúp đỡ anh hoặc chị: **Cẩm**
phấn đấu tốt.

Nhân-dạng:

-Cao: km,

-Dấu vết đặc biệt:

Ngày 2 tháng 2 năm 1978



ĐẠI ÚY LÊ VĂN THIỆP

BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 9

- Thực hiện chính sách khoan hồng của Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam đối với những sỹ quan, hạ sỹ quan, binh lính ngụy
—Xét tinh thần học tập cải tạo của Nhan Tâm
nguyên là thiếu úy ngụy quân, trong thời gian qua tỏ ra biết
ăn năn hối cải và cố gắng phấn đấu để trở thành người có ích cho đất nước.
—Xét đơn xin bảo lãnh của cha Nhan Minh 32 C.4
vợ Lương Joan, tên thật Bati, tên thật Bente

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1—Cho Nhan Tâm nguyên là thiếu úy ngụy quân được tạm
ngưng quân huấn tập trung và cho phép được trở về nhà làm ăn.
Điều 2—Khi trở về địa phương hoặc tiếp tục làm việc ở các ngành chuyên môn thì
đương sự phải chấp hành tốt mọi quy định về luật pháp và chịu sự quản
chế của chính quyền cơ sở, hương hoặc đơn vị mình làm việc. Thời
gian quản chế là một năm. Sau thời gian đó nếu được chính quyền địa
phương hoặc cơ quan đơn vị làm việc xác nhận là tiến bộ và được chính
quyền sở tại đồng ý thì sẽ được chính thức khôi phục quyền công dân.
Điều 3—Phòng quân huấn Quân khu 1 quân huấn Đoàn 1
và đương sự chiếu quyết định thi hành.

Ngày 25 tháng mười năm 1977
TUQU/ BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 9

Trưởng Bộ Tư lệnh Quân Khu 9

CHỈ CHỮ

Không được về ở thành phố, thị xã vùng biên
giới và vùng xung yếu. Trong thời gian quản
chế. Ở đâu do chính quyền địa phương quyết
định.

C Giấy này không có giá trị đi đường

Trong thời gian quản chế, việc quy định lao
nhuộc ngày trình diện 1 lần là do chính quyền
địa phương xã, phường quy định.

QUYẾT ĐỊNH NÀY, LÀM THÀNH 3 BẢN

- Phòng quân huấn Quân khu lưu.
- Trại quân huấn
- Ủy ban nhân dân xã, Phường cơ quan.
- Đương sự.



BỘ NỘI VỤ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số 1041/LT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LỆNH THA

Tên: **NGUYỄN THANH TIẾN**
Chức vụ: **Phó Giám đốc CA tỉnh Bến Tre.**

Căn cứ quyết định miễn tố số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____
về việc **hành vi trộm cắp tài sản.**

Căn cứ vào pháp luật hiện hành: **bổ, ngày 06/04/79.**

RA LỆNH THA

Họ và tên: **Nhan-tam** Bị danh: **...**
Sinh ngày _____ tháng _____ năm **1952**
Sinh quán: **Bến Tre**
Trú quán: **Ấp 2, Xã Mỹ Nhơn, Ia Tri Bến Tre**
Nghề nghiệp: **làm ruộng.**

Ông giám thị trại tạm giam _____ tỉnh Bến Tre
thi hành khi ra được lệnh này.
Lệnh này gửi đến Ông Viện trưởng VKSND _____ tỉnh Bến Tre

đề trường _____
Bến Tre Ngày **02** tháng **12** năm 19 **82**

Phó Giám đốc CA tỉnh
Phó Giám đốc

NƠI NHẬN: **NGUYỄN THANH TIẾN**

Ông Viện trưởng VKSND _____
— Ông Giám thị trại tạm giam _____
— Đồng ý khi về trình với _____
— Lưu hồ sơ

BỘ NỘI VỤ
CÔNG AN ĐẶC KHU
VŨNG TÀU — CÔN ĐẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Số 6/CHLT

LỆNH THA

Tôi ĐẠI LƯƠNG NỮ
Chức vụ Giám đốc Công an đặc khu Vũng Tàu — Côn Đảo
Căn cứ quyết định số _____ ngày 24 tháng 6 năm 19 84
của Công an đặc khu đối với bị can NGUYỄN VĂN YẾN
Qua cuộc điều tra xét thấy Trốn đi nước ngoài
Đã bỏ trốn không cần truy tố

Căn cứ vào pháp luật hiện hành :

RA LỆNH THA

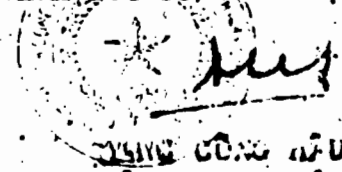
Họ và tên NGUYỄN VĂN YẾN bí danh _____
Sinh ngày _____ tháng _____ năm 19 85
Sinh quán Đài Sơn
Trú quán 235 lô B, Chung cư Tân Quang, P.02, Q.10, tp. Hồ Chí Minh
Nghề nghiệp _____

Ông Giám thị trại giam Công an đặc khu Vũng Tàu — Côn Đảo thi hành khi nhận được lệnh này.

Lệnh này gửi đến ông Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân đặc khu Vũng Tàu — Côn Đảo
để tường.

Vũng Tàu, ngày 24 tháng 4 năm 19 85

GIÁM ĐỐC CÔNG AN ĐẶC KHU



Nơi nhận :

- Ông Viện trưởng VKSND địa khu đề biết.
- _____ để báo cáo.
- Ông Giám thị trại giam đặc khu đề thi hành
- _____ để biết.
- Đương sự khi về trình với công an địa phương biết.
- Lưu hồ sơ.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH KIÊN-HOÀ

QUẬN BA-TRỊ

XÃ AN-ĐỨC

HỘ - TỊCH VIỆT - NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Năm : 1952

Số hiệu : 156

Tên, họ ấu nhi	NHAN - TÂM / (Song thai) NHAN - KIM - ANH
Phái	-
Sinh ngày	Le 2 Juillet 1952
Nơi sinh	Làng An-Đức
Tên, họ cha.	Nhan-Minh
Nghề nghiệp.	Buôn-bán
Cư sở tại :	Làng An-Đức
Tên, họ mẹ	Đỗ-thị-Quỳnh
Nghề nghiệp	Buôn-bán
Cư ngụ tại.	Làng An-Đức
Vợ chánh hay vợ thứ.	Vợ chánh

KIÊN-THỊ :

SAO Y BỘ CHÁNH

9 XÃ - TRƯỞNG / An-Đức ngày 25 tháng 8 năm 1970
ỦY VIÊN HỘ TỊCH

NGUYỄN-VĂN-NGHIỆP



LÊ-VĂN-TÂM

NAM PHÂN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

2

ĐÔ - THÀNH SAIGON

TOA HÀNH CHÍNH QUẬN 5

Số hiệu: 3.761

HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm năm mươi ba (1953)

CƯỚC PHÍ: 15.00

Tên, họ đứa nhỏ	Nguyễn thị Nho
Phối	Con gái
Ngày sanh	Mười tháng Chín năm Một ngàn chín trăm năm mươi ba, hồi 7 giờ
Nơi sanh	211, đường Pierre Pasquier
Tên, họ người Cha	Nguyễn Văn Mười, khai nhận đứa nhỏ là con ngày 12-9-1953
Tuổi	-
Nghề nghiệp	Thợ bạc
Nơi cư ngụ	545, đường Pierre Pasquier
Tên, họ người Mẹ	Lưu thị Bông
Tuổi	-
Nghề nghiệp	Buôn bán
Nơi cư ngụ	545, đường Pierre Pasquier
Vợ chính hay	-



lập tại Saigon, ngày 12 tháng 9 năm 1964

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÍNH:

Salgon, ngày 8 tháng 5 năm 1964

QUẢN-TRƯỞNG QUẬN NĂM

Nguyễn Văn Mười

Xã, Thị trấn: _____

Huyện, Quận: 10

Thành phố, Tỉnh: Hà Nội

BẢN SAO

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 2

Quyển số GI

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bí danh	<u>NGUYỄN VĂN</u>	<u>NGUYỄN THỊ HỒNG</u>
Sinh ngày, tháng, năm hay tuổi	<u>02 - 07 - 1952</u>	<u>10 - 09 - 1953</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>KINH</u> <u>Việt Nam</u>	<u>KINH</u> <u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Hội Trại</u>
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	<u>32 Võ Trường Toản</u> <u>Thị trấn An Trì</u> <u>Thành phố Hà Nội</u>	<u>264/345B Ngõ 64A Tự</u> <u>Phường 04</u> <u>Quận 10</u>
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu	<u>00000000</u>	<u>00000000</u>

Đăng ký, ngày 04 tháng 09 năm 1978

TM / UBND Châu 10 Ký tên đóng dấu
(Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Người chồng ký

Người vợ ký

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

tháng 09 năm 1978

Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Chánh Văn Phòng

Số 111111



Thành phố, Tỉnh Hồ chí Minh

Quyển số 01

THAM HIỆN

GVTK Trần Văn Minh

Thành phố, Tỉnh:

Quyền số _____

Г.М.Р. - МУ. ИСК

Xã, Thị trấn.....

Thj rd. Qufn_____

Thành phố, Tỉnh: _____

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 233
Quyển số 01

[illegible]

Họ và tên	NHAN THẾ AN		NAM
Sinh ngày tháng, năm	mười sáu, tháng mười một, năm một chín tám ba (16-11-1983)		
Nơi sinh	HÀO SANG VINH VIÊN		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NHAN TÂM 1952	NGUYỄN THỊ NHO 1953	
Dân tộc Quốc tịch	KINH VIỆT	NAM	
Nghề nghiệp Nơi ĐKKK thường trú	THỢ NGUỘI Tạm trú	NỘI TRỢ 235 LÔ B C/e An Quang phường 8 quận 10	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Mẹ khai		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 28 tháng 11 năm 1983.

TM/UBND  ký tên đóng dấu



ĐO ĐANG ĐANG

Đăng ký ngày 26 tháng 11 năm 1983

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Ủy viên thư ký

Nguyễn Văn Bè

(dã kỷ)

FR: NHAN TRUNG TIN

2008 - 180 CHALKFARM DR.
DOWNSVIEW, Ont. M3L 2H8

CANADA



To: H[^]ỘI G.D.T.N.C.T.,

P.O. BOX 5435, ARLINGTON

Va 22205 - 0635

U. S. A.

NOV 23 1988

Air Mail Par avion